

E- HỒ SƠ DỰ THẦU

GÓI THẦU: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Dân
Tộc thiểu số (Tiếng Mông)

PHỤ LỤC HỒ SO DỰ THẦU

Phần A: Hồ sơ pháp lý

1. Kê khai thông tin về Nhà thầu
2. Văn bản tổ chức BD tiếng dân tộc

Phần B: Thông tin thầu

3. Cam kết của Nhà thầu
4. Thông tin cung cấp dịch vụ gói thầu

Phần C. Hồ sơ kinh nghiệm của Nhà thầu

5. Phân phối chương trình
6. Kê khai nhân sự Trực tiếp giảng dạy

PHẦN A: HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA NHÀ THẦU

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN
Địa chỉ: Tổ 4 Phường Thanh Bình - TP Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 02153 735 531



PHẠM VI CUNG CẤP

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	Dạy tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Mông)	Nội dung chương trình và tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Tài liệu giảng dạy thực hiện theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên.	8 Lớp		Tại Thị trấn và các xã trên địa bàn huyện Mường Chà	120 ngày

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN
Địa chỉ: Tổ 4 Phường Thanh Bình - TP Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
Điện thoại: 02153 735 531

BẢNG GIÁ CHÀO HÀNG

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành Tiền
1	Dạy tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Mông) số lớp 08 tổng 320 học viên	Học Viên	320	3.000.000	960.000.000
Tổng cộng					960.000.000

Tổng cộng: Chín trăm sáu mươi triệu đồng chẵn

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



Phạm Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Số: 465/QĐ-UB-TC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai châu, ngày 22 tháng 7 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

*Mề việc thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên
trực thuộc sở Giáo dục - đào tạo*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Căn cứ Điều 43 Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ban hành ngày 5/7/1994 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp.
- Căn cứ thông báo số 18/TB-UB-VX ngày 8/6/1996 của thường trực UBND tỉnh chỉ đạo việc bố trí sắp xếp lại một số trường học.
- Xét đề nghị của ông Trưởng Ban tổ chức chính quyền tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I/- Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên trực thuộc sở Giáo dục - đào tạo tỉnh Lai châu trên cơ sở trường bổ túc văn hoá cán bộ tỉnh.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân có con dấu và được phép mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước. Trung tâm được bố trí giám đốc, giúp việc giám đốc có từ 1 - 2 phó giám đốc; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc theo quy định hiện hành.

- Về tổ chức bộ máy:

Trung tâm giáo dục thường xuyên được thành lập 2 phòng:

- + Phòng đào tạo
- + Phòng tổ chức - hành chính.



CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG

BẢN SAO

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ MÃ SỐ ĐƠN VỊ CÓ QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

MÃ SỐ	1031669
TÊN ĐƠN VỊ	Trung tâm giáo dục thường xuyên
ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ	Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
CƠ QUAN CHỦ QUẢN	Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 02 -07- 2009

Ngày 06 tháng 01 năm 2009

SỐ: 381 QUYẾT: 07 CN-BS

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature in blue ink]



[Handwritten signature in black ink]

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THANH BÌNH

Le Xuân Thủy

[Handwritten signature in black ink]

TỔNG CỤC THUẾ (GDT)

CỤC THUẾ (Tax department) TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER (TIN) NOTIFICATION

Cục thuế thông báo mã số thuế của đơn vị/ cá nhân như sau:
The Tax Department of Tỉnh Điện Biên Province/City hereby would like to inform your TIN as follows:

Mã số thuế : 5600189081
Tax Identification Number

Tên người nộp thuế : Trung tâm giáo dục thường xuyên
Full name of Taxpayer

Địa chỉ trụ sở : Tổ 12, Phường Thanh Bình, Tỉnh Điện Biên
Office address

Ngày cấp mã số thuế : 26/11/2008
Date of issue

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp: Cục Thuế Tỉnh Điện Biên
Tax Department in charge

Yêu cầu đơn vị phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày nhận được thông báo này.
You are required to use this Tax Identification Number in accordance with stipulated regulations as from the date of receiving this notification

NGÀY: 02-07-2009

SỐ: 381...QUYÊN: 07...CN-BS

Ngày (date): 27/11/2008

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THANH BÌNH
Kha Xuân Thủy



Lo... (Signature)

Số: 210/QĐ-SGDĐT

Điện Biên, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm lại viên chức

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 697/TB-SNV ngày 14/4/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về công tác cán bộ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm ông **Phạm Văn Cường** - Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 15/4/2022.

Điều 2. Ông Phạm Văn Cường được hưởng phụ cấp chức vụ Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh theo quy định hiện hành kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng: Tổ chức Cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Giáo dục Thường xuyên chuyên nghiệp và Nghiên cứu khoa học Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Nội vụ (p/h);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các Phòng CMNV Sở GDĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT;
- các Phòng GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đoạt

**DANH SÁCH CÁN BỘ TRUNG TÂM GDTX TỈNH
NĂM 2023**

STT	Họ tên	Chức vụ	Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao cấp LLCT (nếu có)	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Thạc sĩ QLGD (nếu có)	Chứng chỉ bồi dưỡng QLGD (nếu có)	Chứng chỉ ngoại ngữ	Chứng chỉ tin học	Chứng chỉ tiếng dân tộc
1	Phạm Văn Cường	Giám đốc	Cao cấp LLCT	Đại học	Thạc sĩ QLGD	x	x	x	x
2	Phạm Thị Duyên	Phó Giám đốc	Trung cấp LLCT	Thạc sĩ		x	x	x	
3	Vũ Thị Bích Liên	Phó Giám đốc	Trung cấp LLCT	Đại học	Thạc sĩ QLGD	x		x	x
4	Bùi Tuấn Anh	Giáo viên		Đại học			x	x	x
5	Mai Thị Vân Anh	Giáo viên		Đại học				x	
6	Cà Văn Thu	Giáo viên		Đại học			x	x	
7	Hà Thị Hồng Điệp	Giáo viên		Đại học			x	x	
8	Nguyễn Thùy Dương	Giáo viên		Thạc sĩ			x	x	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Đại học			x	x	
10	Phạm Thị Khánh	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Đại học	Thạc sĩ QLGD	x	x	x	x
11	Phùng Thị Lê	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Đại học		x	x	x	x
12	Nguyễn Thị Mơ	Giáo viên		Thạc sĩ		x	x	x	
13	Vũ Thị Nhân	Giáo viên		Đại học			x	x	x
14	Chu Thị Phương	Giáo viên		Đại học				x	
15	Dương Thị Phương	Giáo viên		Đại học		x			
16	Đỗ Ngọc Quý	Giáo viên		Đại học	Thạc sĩ QLGD	x	x	x	
17	Lò Mai Sơn	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Đại học	Thạc sĩ QLGD		x	x	
18	Lưu Văn Sơn	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Thạc sĩ		x	x	x	
19	Trần Mai Thanh	Giáo viên		Đại học		x	x	x	
20	Lương Thị Thoa	Giáo viên		Thạc sĩ		x	x	x	
21	Đỗ Thị Thu Trang	Giáo viên		Thạc sĩ			x	x	
22	Vũ Quốc Trường	Giáo viên	Trung cấp LLCT	Đại học	Thạc sĩ QLGD	x	x	x	x
23	Nguyễn Quang Vinh	Giáo viên		Đại học					



24	Đặng Thị Xuân	Giáo viên		Thạc sĩ		x	x	x	
25	Trần Thị Xuyên	Giáo viên		Đại học		x	x	x	
26	Nguyễn Thị Chiêm	Giáo viên		Đại học			x	x	
27	Bùi Thế Anh	Nhân viên kế toán		Đại học			x	x	x
28	Lê Thị Hoài Anh	Nhân viên thiết bị		Đại học			x	x	
29	Lò Thị Ánh Dương	Nhân viên thủ quỹ		Đại học				x	
30	Trần Thị Kim	Nhân viên thư viện		Đại học				x	
31	Lò Thị Phương Loan	Nhân viên y tế		Trung cấp			x	x	
32	Hoàng Thị Ngọc	Nhân viên thiết bị		Đại học			x	x	
33	Vũ Duy Trường	Nhân viên khác		Thạc sĩ			x	x	x

10
M
IC
YÊN
BIÊN

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Cường

**BẢN THÔNG KÊ CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT
TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Tên và địa chỉ đơn vị: Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên

Số điện thoại đơn vị: 02153.735.584

Các lớp tổ chức bồi dưỡng dự kiến triển khai: Tiếng Mông, tiếng Thái.

I. Điều kiện cơ sở vật chất

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích/ phòng (m ²)	Số lượng SV/ phòng	Điều kiện
1	Phòng học lý thuyết	Phòng	01	150	150	
2	Phòng thi	Phòng	10	54	35	Đảm bảo 01sv/01 bàn 1,2m
3	Hội trường	Phòng	01	150	150	
4	Phòng máy vi tính phục vụ dạy-học	Phòng	02	54	35	Số sinh viên căn cứ/ số lượng máy tính
5	Phòng giao dịch và quản lý sinh viên	Phòng	01	54		
6	Máy tính phục vụ công tác quản lý	Cái	05	54		
7	Thư viện	Phòng	01	54	50	
	- Số lượng máy tính cho thư viện	Cái	01	54	-	Phục vụ thư viện điện tử
	- Số lượng máy in, máy photo phục vụ công tác in ấn tài liệu	Cái	7	54		
8	Phòng nghỉ giảng viên	Phòng	1	16	-	



II. Danh sách cán bộ quản lý, cán bộ phối hợp

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CMND/CCCD	Số điện thoại	Chức vụ	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Thực tế
Cán bộ chỉ đạo									
1	Phạm Văn Cường	14/07/1978	Nam	040236738	0999518668	Giám đốc	Ths	QLGD	
2	Vũ Thị Bích Liên	02/11/1975	Nữ	011175003 731	0916902657	Phó giám đốc	Ths	QLGD	
3	Phùng Thị Lê	26/10/1989	Nữ	025189003 135	0889318668	Trưởng phòng	ĐH	Ngữ Văn	
4	Phạm Thị Khánh	08/01/1979	Nữ	040212861	0942971333	Phó trưởng phòng	Ths	QLGD	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	20/09/1983	Nữ	036183015 662	0335303709	Phó trưởng phòng	ĐH	Địa lý	
Cán bộ tư vấn tuyển sinh									
1	Trần Mai Thanh	27/11/1984	Nữ	008184006 142	0912094556	Giáo viên	ĐH	Địa lý	
2	Hà Thị Hồng Điệp	24/03/1986	Nữ	025186006 317	0974059069	Giáo viên	ĐH	Toán học	
Cán bộ giáo vụ									
1	Trần Thị Kim	13/10/1973	Nữ	011173001 591	0398394560	Nhân viên	Trung cấp	Văn thư	
Cán bộ coi thi									
1	Bùi Tuấn Anh	17/03/1982	Nam	040266467	0945043456	Giáo viên	ĐH	Hóa học	
2	Hà Thị Hồng Điệp	24/03/1986	Nữ	025186006 317	0974059069	Giáo viên	ĐH	Toán học	
3	Nguyễn Thủy Dương	15/07/1985	Nữ	011185000 433	0946642768	Giáo viên	Ths	Toán học	
4	Trần Mai Thanh	27/11/1984	Nữ	008184006 142	0912094556	Giáo viên	ĐH	Địa lý	
5	Đỗ Thị Thu Trang	08/01/1987	Nữ	036187013 625	0985973836	Giáo viên	ĐH	Hóa học	
6	Đỗ Ngọc Quý	26/12/1973	Nam	011073000 450	0949834775	Giáo viên	Ths	QLGD	



IV. Các điều kiện khác phục vụ cho tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

1. Có cảnh quan môi trường sư phạm, thoáng mát, phù hợp với hoạt động đào tạo
2. Có đủ phòng học và thi, thư viện, phòng hội trường đảm bảo quy mô 150 sinh viên tham gia học tập. Có phòng nghỉ của giảng viên, phòng tự học cho sinh viên, phòng giao dịch và quản lý sinh viên, máy tính và các trang thiết bị khác phục vụ công tác bồi dưỡng và quản lý.
3. Phòng học, phòng thi đảm bảo đủ bàn ghế, thiết bị ánh sáng, quạt hoặc điều hoà.
4. Có hệ thống kết nối mạng internet, có 21 máy chiếu Projector đảm bảo phục vụ tốt hoạt động dạy-học.
5. Có thiết bị âm thanh: Tăng âm, loa đài... để phục vụ cho một số môn học đặc thù.
6. Có trang thông tin điện tử: gtdxdienbien.vn; Fanpage : [ttgdtxtinhdienbien](https://www.facebook.com/ttgdtxtinhdienbien).

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Cường

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN THỈNH GIẢNG
DẠY TIẾNG DÂN TỘC**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Lâu Thị Dừa	30/11/1988	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
2	Giàng A Chinh	12/11/1987	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
3	Sùng A Cá	07/5/1987	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
4	Lò Thị Thủy Dương	10/11/1975	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Thái

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Cường

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRUNG-TÂM GDTX TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 502/CV-TTGD TX
V/v tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc
thiểu số và cấp chứng chỉ.

Điện Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Phó Giám đốc trung tâm;
- Trưởng các phòng chuyên môn;
- Phòng quản lý Đào tạo và Bồi dưỡng.

Thực hiện thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT, ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Bộ tài liệu tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Thái làm tài liệu đào tạo cán bộ, công chức trong tỉnh; Quyết định số 03/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2006 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (9cos chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

Thực hiện văn bản số 3291/UBND – KGVX ngày 01/8/2023 về việc tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại Trung tâm GDTX tỉnh.

Trung tâm GDTX tỉnh hướng dẫn quy trình, thủ tục, điều kiện và việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số (Tiếng Thái, Tiếng Mông) như sau:

1. Công tác khảo sát nhu cầu và tuyển sinh học viên

- Đối tượng tuyển sinh vào học chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hàng năm Trung tâm ban hành thông báo tuyển sinh về việc Bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm: từ 5 đến 10 lớp. Số học viên được đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ từ 300 đến 400 học viên.

- Công tác tuyển sinh được thực hiện liên tục trong năm. Khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên trung tâm tích cực tuyển sinh bằng nhiều hình thức. Mở rộng mạng lưới tuyển sinh thông qua hệ thống cộng tác viên. Công khai đầy đủ, chính xác các thông tin tuyển sinh về các lớp dân tộc thiểu số.

- Chế độ cộng tác viên: Trung tâm thực hiện chi trả chế độ cộng tác viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-GDĐT ngày 20/02/2023 của Trung tâm GDĐT tỉnh Điện Biên.

+ Chi trả 300.000đ/01 hồ sơ tuyển sinh (đối với các lớp do Trung tâm tuyển sinh và học tại trung tâm, các huyện, xã.

+ Chi trả 500.000đ/01 hồ sơ (đối với các lớp do các đơn vị liên kết với trung tâm trực tiếp tuyển sinh).

2. Quy trình, điều kiện trình mở lớp

2.1. Quy trình mở lớp

- Thực hiện công tác tuyển sinh liên tục đến khi đủ số lượng học viên (40 học viên/ lớp trở lên.

- Tiến hành ký kết hợp đồng với giáo viên giảng dạy và cơ sở liên kết (nếu có).

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất phù hợp với thực tiễn học viên và hình thức học tập; chuẩn bị học liệu cho học viên; xây dựng kế hoạch giảng dạy cho toàn khoá bồi dưỡng.

- Lập tờ trình gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định mở lớp.

- Giám đốc Trung tâm GDĐT tỉnh ban hành quyết định về việc giao phụ trách lớp học.

- Thực hiện tổ chức lớp học theo thông tư 09/2023/TT - BGDĐT, ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo thực hiện chương trình theo quy định tại: Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi và Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Bộ tài liệu tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Thái làm tài liệu đào tạo cán bộ, công chức trong tỉnh.

- Xét điều kiện dự thi cuối khoá cho học viên theo Điều 5 thông tư 09/2023/TT

- BGDĐT, ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Báo cáo, lập tờ trình Sở Giáo dục – Đào tạo Quyết định tổ chức thi cuối khoá.

- Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập.

- Báo cáo, lập tờ trình Sở Giáo dục – Đào tạo ban hành quyết định công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ hoàn thành khoá học.

2.2. Điều kiện mở lớp

Trung tâm GDĐT tỉnh Điện Biên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện để mở lớp Bồi dưỡng tiếng dân tộc theo thông tư 09/2023/TT - BGDĐT như sau:

Đội ngũ giáo viên có trình độ Đại học trở lên; có chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số hoặc có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hoá dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến bồi dưỡng;

Có chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng được xây dựng theo Chương trình khung của Bộ giáo dục và Đào tạo và được cơ quan có thẩm quyền ban hành;



Cơ sở vật chất cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu dạy học và làm việc hiện tại của Trung tâm. Các phòng học, phòng làm việc được xây dựng kiên cố, trang thiết bị phục vụ cho dạy học và công tác tương đối tốt và hiện đại, hệ thống máy tính trong Trung tâm đều được kết nối mạng internet. Hội trường của Trung tâm có đủ trang thiết bị tăng âm, loa đài và được trang bị hệ thống họp trực tuyến.

Trung tâm có Đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt và cho phép mở lớp tại công văn số 3291/UBND-KGVX ngày 1/8/2023 về việc bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên.

3. Quản lý quá trình giảng dạy và học tập.

Giao cho giáo viên phụ trách lớp, giáo viên giảng dạy hàng ngày kiểm tra việc học tập, chuyên cần của học viên.

Hàng tuần, Phòng Quản lý Đào tạo và Bồi dưỡng kiểm tra đánh giá nhận xét việc giảng dạy, quản lý, học viên của giáo viên; học tập của học viên, báo cáo định kỳ Ban Giám đốc vào cuối mỗi tháng hoặc khi xảy ra các sự việc bất thường, đột xuất.

Kết thúc khóa học, Trung tâm đánh giá, nhận xét giảng dạy, quản lý, học viên của giáo viên; học tập của học viên thông qua Kế hoạch giảng dạy của giáo viên, sổ theo dõi chuyên cần của học viên.

4. Công tác kiểm tra, đánh giá và cấp chứng chỉ

4.1 Công tác kiểm tra

Kiểm tra đánh giá quá trình học tập của học viên bao gồm: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ mỗi cụm bài (từ 30-45 tiết).

Học viên được xét thi cuối khoá cần đảm bảo các điều kiện sau: Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 0,5 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm; không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình;

Bài thi cuối khoá có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại các Chương trình khung tiếng dân tộc thiểu số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian thi cuối khoá đối với Chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Trung tâm GDTX tỉnh trình Sở Giáo dục Đào tạo Điện Biên ban hành quyết định thành lập hội đồng thi cuối khoá cho học viên đủ điều kiện.

4.2. Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập

Học viên được đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập thực hiện theo "Điều 6" của thông tư 09/2023/TT - BGDĐT, ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Học viên có điểm thi cuối khoá từ 5,0 trở lên thì được đánh giá hoàn thành chương trình.

Xếp loại kết quả học tập được ghi trong chứng chỉ cấp cho học viên căn cứ vào điểm trung bình chung toàn khoá đã quy về thang điểm 10 (điểm kiểm tra thường

IAO
TÂM
DỤC
XUYÊ
NH
★

xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khoá hệ số 3). Xếp loại cụ thể như sau:

Điểm trung bình chung toàn khoá đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi.

Điểm trung bình chung toàn khoá đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm xếp loại: Khá.

Điểm trung bình chung toàn khoá đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

Học viên có điểm thi cuối khoá dưới 5,0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình.

Trường hợp vì lý do thai sản, tai nạn, ốm đau, có công việc đột xuất học viên phải làm đơn đề nghị hoãn kiểm tra và phải được Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh đồng ý.

4.3. Cấp chứng chỉ

Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại của học viên, Trung tâm GDTX tỉnh trình Sở Giáo dục Đào tạo Điện Biên ban hành Quyết định và cấp chứng chỉ cho các học viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

Cấp phát chứng chỉ cho học viên thực hiện theo Thông tư 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo.

5. Quản lý và lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ được lưu trữ chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học theo Nghị định số 30/2020-CP ngày 5/03/2020 của Chính phủ. Hồ sơ lưu trữ bao gồm những loại hồ sơ (có phụ lục kèm theo).

6. Tổ chức thực hiện

Cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động tổ chức quảng bá, tuyên truyền, tuyển sinh về các khoá đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

Giao cho các phòng, ban trong Trung tâm thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh các lớp đào tạo tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Thái, tiếng Mông) đầu mỗi tập trung về phòng Quản lý Đào tạo và Bồi dưỡng.

Phòng Quản lý đào tạo và Bồi dưỡng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch học và phối hợp với phòng Tổ chức hành chính chuẩn bị các điều kiện mở lớp (cơ sở vật chất, học liệu, hợp đồng giảng dạy...)

Trung tâm trình Sở Giáo dục Đào tạo Điện Biên ban hành các văn bản, tài liệu liên quan đến các lớp đào tạo ngắn hạn như: Quyết định mở lớp; Quyết định thành lập Hội đồng thi cuối khoá; quyết định cấp chứng chỉ.

Tổ chức khai giảng/bế giảng các lớp học theo kế hoạch;

Giáo viên phụ trách lớp phối hợp với giáo viên giảng dạy kiểm tra, quản lý học viên theo quy định.

Phòng Quản lý Đào tạo theo dõi thời gian tham gia học tập của học viên, việc giảng dạy của giáo viên, việc quản lý lớp học của giáo viên phụ trách lớp học; báo cáo giám đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo và thi cuối khoá của học viên định kỳ



vào cuối các tháng, cuối khoá học và đợt xuất (nếu có): Phối hợp với phòng Tổ chức hành chính Quản lý, lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ lớp học.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện công tác bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số tại Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên. Đề nghị bộ phận liên quan, phòng quản lý Đào tạo và Bồi dưỡng nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

PHẦN B: THÔNG TIN THẦU

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRUNG TÂM GDTX TỈNH ĐIỆN BIÊN

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày tháng 07 năm 2024

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Kính gửi: Phòng Dân Tộc Huyện Mường Chà

Thông tin về doanh nghiệp:

Tên đơn vị: Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên

1/ Loại hình doanh nghiệp: Đơn vị sự nghiệp có thu

2/ Quyết định thành lập: Số: 465/QĐUB ngày 22/07/1996 của UBND Tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm GDTX Tỉnh.

3/ Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 4, Phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

4/ Số điện thoại: 02153 735 531 Fax:

5/ Đại diện theo pháp luật: **Phạm Văn Cường** Chức vụ: giám đốc.

Nội dung cam kết

Hôm nay ngày 10 tháng 07 năm 2024 chúng tôi cam kết thực hiện gói thầu: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Dân Tộc thiểu số (Tiếng Mông) thuộc dự án 2 (Dự án 5) chương trình Mục Tiêu quốc gia phát triển kinh tế vùng đồng bào Dân Tộc thiểu số và miền núi năm 2024 huyện Mường Chà.

Tổ chức 08 lớp dạy tiếng dân tộc thiểu số (08 lớp tiếng Mông với 320 học viên).

Thời gian thực hiện: 120 ngày

Chúng tôi cam kết thực hiện gói thầu theo như đúng tiến độ, số lượng, thời gian. Nếu như không thực hiện đúng các nội dung cam kết trên thì chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Xin chân thành cảm ơn./.

Đại diện nhà thầu


Phạm Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Điện Biên, ngày tháng 07 năm 2024

CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU

Kính gửi: Phòng Dân Tộc Huyện Mường Chà

Thông tin về doanh nghiệp:

Tên đơn vị: Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên

1/ Loại hình doanh nghiệp: Đơn vị sự nghiệp có thu

2/ Quyết định thành lập: Số: 465/QĐUB ngày 22/07/1996 của UBND Tỉnh Lai Châu về việc thành lập Trung tâm GDTX Tỉnh.

3/ Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 4, Phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ, tỉnh

Điện Biên

4/ Số điện thoại: 02153 735 531 Fax:

5/ Đại diện theo pháp luật: **Phạm Văn Cường** Chức vụ: giám

Hôm nay, ngày tháng 07 năm 2024 tôi là nhà thầu: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc (tiếng Mông) xin cam kết những vấn đề như sau:

1. Thời gian và địa điểm thực hiện công việc

Tiến hành thực hiện đúng như thời gian và địa điểm thực hiện gói thầu

Mức độ dự kiến hoàn thành trong vòng 120 ngày, trừ trường hợp các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành tôi sẽ lên kế hoạch thông báo lại cho nhà thầu trong khoảng thời gian sớm nhất.

2. Tiến trình làm việc

Thực hiện đúng như các bên đã thỏa thuận với nhau

Thực hiện công việc hợp lý đảm bảo quá trình làm việc diễn ra đúng như kế hoạch

Đảm bảo chất lượng công việc tốt, đạt yêu cầu.

3. Thái độ làm việc

Thực hiện công việc đúng thời gian, nghiêm túc và có trách nhiệm trong công việc

Theo dõi, giám sát công nhận trong quá trình làm việc

4. Một số nội dung khác nếu có



Ngoài ra tôi cam kết thực hiện một cách chính xác, đầy đủ các điều khoản đã thống nhất ở trong hợp đồng, nếu không thực hiện, thực hiện không đầy đủ tôi hoàn toàn xin chịu mọi trách nhiệm.

Đại diện nhà thầu



Phạm Văn Cường





Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3291 /UBND-KGVX

Điện Biên, ngày 01 tháng 8 năm 2023

V/v tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh.

Kính gửi: Sở giáo dục và Đào tạo.

Sau khi xem xét Tờ trình số 1816/TTr-SGDĐT ngày 29/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị UBND tỉnh cho phép Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý cho Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh tổ chức tuyển sinh bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; việc triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số và các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh triển khai thực hiện bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp thực tế; quản lý việc bồi dưỡng, tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

Nhận được công văn, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo nội dung, yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTGDTX tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

th

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Vừ A Bằng

ĐỀ ÁN

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số
(Kèm theo Tờ trình số 303/Tr-TTGD TX ngày 15/7/2023 của Trung tâm
GD TX tỉnh Điện Biên)



Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết xây dựng đề án

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, chế độ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước nói chung và đội ngũ cán bộ công chức, viên chức ở vùng dân tộc và miền núi nói riêng. Những cán bộ công chức được điều động biệt phái đến công tác ở vùng dân tộc miền núi đã sát cánh cùng đội ngũ cán bộ công chức là người dân tộc thiểu số góp phần phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội ở các địa phương.

Tuy nhiên, đa số cán bộ công chức đến công tác ở vùng dân tộc, miền núi còn gặp không ít khó khăn trong công tác cũng như trong sinh hoạt, mà một trong những nguyên nhân là không biết tiếng dân tộc thiểu số và chưa am hiểu phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền vận động đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trước yêu cầu cấp bách của công tác quản lý phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, quốc phòng đòi hỏi đội ngũ cán bộ công chức công tác tại vùng dân tộc thiểu số phải biết tiếng dân tộc để giao tiếp và sử dụng trong công tác.

Điện Biên là một tỉnh miền núi biên giới, số dân 60 vạn người, dân tộc thiểu số chiếm 81,2%. Đội ngũ cán bộ công chức viên chức tại tỉnh Điện Biên chiếm hơn 50% là người kinh (Việt) phần lớn chưa biết tiếng dân tộc thiểu số, trong số đó không ít ngành có cán bộ cắm ở địa bàn cơ sở, nhưng vì không biết tiếng địa phương nên hiệu quả công tác thấp, khó nắm được diễn biến đời sống thực tế ở cơ sở.

Là địa bàn sinh sống của 19 dân tộc trong đó người Mông dân tộc Mông chiếm 38,12%, dân tộc Thái chiếm 35,69%. Tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông vẫn là ngôn ngữ được giao tiếp khá phổ biến trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày và trong giao tiếp hành chính (đặc biệt tại các địa phương có đồng bào dân tộc Thái và dân tộc Mông sinh sống). Tuy nhiên, cùng với sự giao thoa văn hóa, tiếng Thái và tiếng Mông ngày càng mai một, không còn được lưu truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân (ở một số địa phương, chữ viết của dân tộc Thái và dân tộc Mông chỉ còn những người cao tuổi và một số ít người được học bài bản tại các

trường và khóa đào tạo), điều này ảnh hưởng tới việc lưu giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp của các dân tộc (đặc biệt là chữ viết).

Dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức và người học có nhu cầu đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số, có ý nghĩa rất quan trọng, đó là: lưu giữ các giá trị văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc, giáo dục giá trị văn hóa và niềm tự hào dân tộc, là phương tiện quan trọng trong giao tiếp hằng ngày và trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao năng lực ngôn ngữ tiếng, củng cố và phát triển tiếng nói, chữ viết tiếng dân tộc cho người học; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp và học tập; nâng cao nhận thức về giá trị ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số; hình thành ý thức trách nhiệm đối với việc bảo tồn phát triển ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số. Giúp cho người học thuận lợi hơn, am hiểu hơn về tinh hoa dân tộc góp phần hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ tại địa bàn dân tộc.

II. Căn cứ xây dựng đề án

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ theo Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 – 2030;

- Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục, thường xuyên;

- Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT- BGDDĐT- BNV- BTC ngày 03/11/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ nội vụ và Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 82/2010/ND-CP ngày 12/07/2010 của Chính phủ về việc dạy học và nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên;

- Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi;

- Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Bộ tài liệu tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Thái làm tài liệu đào tạo cán bộ, công chức trong tỉnh;

- Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số;

- Công văn số 2641/SGDDĐT-GDTEX&CN ngày 09/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc tổ chức dạy học, kiểm tra, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc Mông, Thái cho cán bộ, công chức;



- Công văn số 1185/SGDĐT-GDCN ngày 18/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 3/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

2. Căn cứ thực tiễn

Tiền thân Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) tỉnh Điện Biên là trường Bổ túc văn hóa cán bộ tỉnh. Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên được thành lập ngày 22/07/1996 theo quyết định số 465/QĐ-UB-TC của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên)

Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên là cơ sở giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân, hoạt động theo “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX” ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 465/QĐ-UB-TC ngày 22/07/1996 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên)

Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên được thành lập từ năm 1996, trên cơ sở của trường Bổ túc văn hóa cán bộ, Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên được tỉnh và ngành giao cho các chức năng nhiệm vụ bao gồm:

Điều tra nhu cầu học tập, xác định nội dung học tập, tham mưu, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên việc tổ chức các chương trình và hình thức học phù hợp với từng đối tượng.

Nghiên cứu, tổng kết rút kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục góp phần phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên trong tỉnh.

Tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông cho nhân dân, cán bộ, viên chức trong tỉnh.

Tổ chức thực hiện các nội dung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên và công chức quản lý của ngành Giáo dục- Đào tạo và cán bộ công chức, viên chức, nhân dân trong tỉnh;

Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ các lớp bồi dưỡng ngắn hạn: tin học ứng dụng, tiếng Anh; tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Thái,... cho nhân dân, cán bộ công chức, viên chức trong tỉnh.

Liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng, tổ chức Đào tạo các lớp Đại học hệ VLVH, Từ xa, Liên thông Cao đẳng- Đại học.

Tổ chức quản lý, chăm sóc và giảng dạy tiếng Việt cho lưu học sinh của các tỉnh Bắc Lào: U Đom Xay, Luông Pha Băng; Phong Sa Ly,...

Thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, các văn bản chỉ đạo của Bộ, của tỉnh và Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên, hằng năm Trung tâm đã tích cực tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở GD&ĐT để mở các lớp liên kết đào tạo với nhiều chuyên ngành khác nhau và các lớp bồi dưỡng ngắn hạn các loại hình nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ khoa học, kỹ thuật cho cán bộ,



công chức và nhân dân trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trung tâm GDTX tỉnh đã có những bước đi vững chắc trong việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh, trở thành hạt nhân của “xã hội học tập”, góp phần quan trọng trong việc “nâng cao dân trí - đào tạo nguồn nhân lực” có chất lượng cho tỉnh.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xu thế xã hội hóa giáo dục, xây dựng “xã hội học tập, học tập suốt đời” là tất yếu, làm nền tảng cho việc đào tạo nguồn nhân lực phát triển đất nước. Trong đó, ngành học GDTX được coi là một hình thức giáo dục phù hợp với xu thế giáo dục mới. Bởi lẽ, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển nhanh chóng thì việc học tập của mỗi con người không thể dừng lại ngay sau quá trình học tập tại các nhà trường, mà phải được duy trì trong suốt cuộc đời. GDTX có vai trò giúp những người có nhu cầu học tập suốt đời thực hiện được nguyện vọng này.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; dạy tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số nhằm góp phần thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo đúng quy định và các văn bản hướng dẫn tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hiện hành.

Bảo đảm cung cấp đủ 100% sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học tiếng dân tộc thiểu số cấp tiểu học sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn cho các cơ sở giáo dục có dạy học tiếng dân tộc thiểu số.

Đảm bảo đủ giáo viên tiếng dân tộc thiểu số; 100% cán bộ quản lý giáo dục có liên quan về dạy học tiếng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng nâng cao năng lực.

Triển khai thực hiện tốt, hiệu quả Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Việc dạy và học, bồi dưỡng tiếng nói, chữ viết DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở



vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số là góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc tại địa phương.

Đưa tiếng nói, chữ viết của DTTS trở thành một nhân tố nền tảng, bền vững trong việc giáo dục đạo đức, lòng tự tôn dân tộc thông qua các giá trị văn hóa đối với thế hệ trẻ.

Đóng góp vào sự đa dạng trong văn hóa các dân tộc anh em, đồng thời góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người học có nhu cầu sử dụng thông thạo tiếng dân tộc trên địa bàn công tác, am hiểu tinh hoa của dân tộc.

Giáo dục giá trị văn hóa tinh túy nhất, quý giá nhất của dân tộc đối với người học; góp phần hình thành con người phát triển toàn diện đối với người học dân tộc thiểu số, nâng cao năng lực ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ cho người học góp phần củng cố và phát triển tiếng nói, chữ viết tiếng dân tộc cho người học; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp và học tập; nâng cao nhận thức về giá trị ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số; hình thành ý thức trách nhiệm đối với việc bảo tồn phát triển ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số. Giúp cho cán bộ, công chức, viên chức người học có nhu cầu đang công tác, làm việc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuận lợi hơn, am hiểu hơn về tinh hoa dân tộc góp phần hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ tại địa bàn dân tộc.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Khảo sát nhu cầu

Thực hiện nhiệm vụ được giao Trung tâm GDTX tỉnh cùng với một số đơn vị trên địa bàn đã đào tạo tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Mông và tiếng Thái) cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh song qua thực tế khảo sát nhu cầu học tiếng và chữ dân tộc thiểu số của cán bộ công chức, viên chức, nhất là lực lượng vũ trang vẫn còn tương đối nhiều.

Khảo sát đến các cơ quan, đơn vị, các sở, ban, ngành, các xã phường, thị trấn trên cơ sở nhu cầu đăng ký học tiến hành mở lớp.

2. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

2.1. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng

2.2.1. Đối tượng

Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số.

Cán bộ, công chức, viên chức và người học có nhu cầu.

2.2.2. Phạm vi

Dạy và học tiếng nói, chữ viết, văn hóa dân tộc và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số. (Tiếng Thái và tiếng Mông)

2.2.3. Quy mô đào tạo, bồi dưỡng hàng năm



- Số lớp đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ tiếng DTTS: từ 03 đến 05 lớp
- Số học viên được đào tạo, bồi dưỡng từ 300 đến 400 học viên.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học đáp ứng yêu cầu chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

Cơ sở vật chất của trung tâm được xây dựng và sử dụng từ năm học 2000-2001 với tổng Diện tích 13.843,4m².

- Phòng học: 18 phòng
- Phòng học bộ môn Tin: 02 phòng
- Phòng thư viện : 01 phòng
- Phòng thiết bị thí nghiệm: 01 phòng
- Hội trường : 01 (150 chỗ ngồi)
- Phòng họp : 01 phòng
- Phòng làm việc: 09 phòng
- Phòng ở nội trú: 37 phòng
- Phòng khách: 10 phòng đủ chỗ ở cho 20 khách

Các thiết bị phụ vụ cho hoạt động của Trung tâm

- Máy tính: 112 máy (trong đó 78 máy phục vụ học tập, và 34 máy phục vụ cho công tác quản lý, tất cả máy đều được nối mạng internet cáp quang tốc độ cao với 03 đường truyền)

- Máy chiếu: 19 cái (18 máy phục vụ cho giảng dạy; 02 máy dùng chung)
- Máy in: 11 cái
- Wifi: 06 chiếc
- Máy photocopy: 02 cái
- Máy scan : 01 cái
- Máy điều hòa: 22 cái
- Máy phát điện : 02 cái
- Ti vi: 15 cái

Cơ sở vật chất cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu dạy học và làm việc hiện tại của Trung tâm. Các phòng học, phòng làm việc được xây dựng kiên cố, trang thiết bị phục vụ cho dạy học và công tác tương đối tốt và hiện đại, hệ thống máy tính trong Trung tâm đều được kết nối mạng internet. Hội trường của Trung tâm có đủ trang thiết bị tăng âm, loa đài và được trang bị hệ thống họp trực tuyến.

Thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học, sách giáo khoa, sách tham khảo được trang bị khá đầy đủ đáp ứng yêu cầu dạy học hiện nay.

Khuôn viên trong Trung tâm sạch sẽ, thoáng mát, có bồn hoa; cây cảnh, cây ăn quả được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên tạo không gian "Xanh- Sạch- Đẹp".

4. Hình thức và chương trình đào tạo

- Hình thức bồi dưỡng theo hình thức tập trung, bán tập trung hoặc từ xa.
- Thời gian tổ chức bồi dưỡng từ 3-4 tháng.
- Thời lượng tiết học: Tiếng dân tộc Mông 450 tiết; tiếng thái 350 tiết.



- Về chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc Mông: Thực hiện chương trình theo quy định tại: Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT ngày 23/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi và Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Bộ tài liệu tiếng dân tộc Mông, tiếng dân tộc Thái làm tài liệu đào tạo cán bộ, công chức trong tỉnh.

- Về chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái: Thực hiện theo chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Quyết định số 03/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Kiểm tra, đánh giá: Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ để đánh giá quá trình học tập của học viên; mỗi cụm bài (khoảng 30 - 45 tiết) phải có bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình chi tiết.

- Thi cuối khóa: Học viên dự thi cuối khóa cần đảm bảo các điều kiện sau: Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm; không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình; Bài thi cuối khóa có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại các Chương trình khung tiếng dân tộc thiểu số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian thi cuối khóa đối với chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số là 120 phút, đối với chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi cuối khóa cho học viên học chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, thuộc phạm vi quản lý.

4. Cấp chứng chỉ

- Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp cho học viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

- Sau khi học viên hoàn thành khóa học tại Trung tâm GDTX tỉnh, Trung tâm lập tờ trình đề nghị sở Giáo dục Đào tạo Điện Biên cấp chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

5. Giải pháp thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBCC về vai trò, ý nghĩa của công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho CBCC.

Đổi mới và thực hiện nghiêm túc công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho CBCC công tác tại tỉnh.

Tích cực tổ chức các lớp tập huấn, các hội nghị, hội thảo, hội thi để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng tiếng dân tộc trong giao tiếp và trong giảng dạy. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy

tiếng dân tộc được tham quan học tập tại những địa phương có kết quả cao về công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc cho CBCC công tác ở vùng dân tộc và miền núi.



Tổ chức chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng; tăng cường giao lưu trao đổi để cán bộ, giáo viên có điều kiện học hỏi rút kinh nghiệm trong dạy và học tiếng dân tộc.

Tăng cường cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng dân tộc thiểu số

Thực hiện các chế độ, chính sách về dạy học tiếng dân tộc thiểu số

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đối với Đảng và Nhà nước: Đề án dạy và học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Đối với nhân dân các dân tộc trên địa bàn: Việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số sẽ góp phần làm phong phú hơn đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân ở địa phương.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Việc biết tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số nơi công tác sẽ có nhiều thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tạo sự gắn bó, đoàn kết với nhân dân địa phương.

Đề án dạy và học tiếng dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện, sẽ đáp ứng được nguyện vọng của nhiều tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức và người học có nhu cầu. Thông qua việc hiểu biết về tiếng nói, chữ viết của dân tộc nói riêng và các dân tộc trên địa bàn nói chung, giúp cho nhân dân tăng thêm niềm tin yêu, tự hào, tự tôn dân tộc. Đồng thời, tạo động lực cho các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần lao động, sáng tạo, nâng cao ý thức trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần quan trọng trong việc phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng bền vững.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người học có nhu cầu sẽ có nhiều thuận lợi hơn trong công tác, cũng như trong sinh hoạt khi được đào tạo, bồi dưỡng về tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số. Giúp họ am hiểu thêm phong tục, tập quán, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc. Từ đó, tạo sự thuận lợi, hiểu biết lẫn nhau trong công tác tuyên truyền, vận động thuyết phục đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

VI. KẾT LUẬN



Đề án dạy và học tiếng dân tộc thiểu số của Trung tâm GDTX tỉnh được xây dựng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trên địa bàn tỉnh Điện Biên; trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Đề án được xây dựng, tổ chức thực hiện góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển các lĩnh vực kinh tế, văn hóa- xã hội của địa phương. Đảm bảo rõ ràng: Sự cần thiết, mục đích, yêu cầu của việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; thuyết minh đầy đủ thông tin, minh chứng đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, ưu tiên trong tuyển sinh (nếu có); hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá. và dự toán kinh phí tổng thể trong tổ chức thực hiện Đề án. Chỉ ra tác động xã hội, ý nghĩa thực tiễn đối với các đối tượng hưởng lợi từ Đề án.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

Đề nghị UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ phê duyệt đề án để Trung tâm GDTX tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

**PHẦN C: HỒ SƠ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ
THẦU**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /2023/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

THÔNG TƯ

Ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục dân tộc;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 6 năm 2023 và thay thế Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục dân tộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên; Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên, Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ngô Thị Minh

QUY ĐỊNH

Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên và các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số); các Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thực hiện đúng đối tượng, đúng thẩm quyền.
2. Quản lý thống nhất và theo các quy định về phân cấp quản lý.
3. Tuân thủ các quy định chung về đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá, cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân và các chính sách hiện hành về dạy và học tiếng dân tộc thiểu số đối với giảng viên, giáo viên, học viên.
4. Đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và tính đặc thù ở mỗi vùng miền.

Chương II

**TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ CẤP CHỨNG CHỈ
TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Điều 3. Điều kiện đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

1. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đội ngũ giảng viên có trình độ đại học trở lên thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam đồng thời có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;

b) Chương trình chi tiết và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Cơ sở vật chất, thư viện, phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

d) Có đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

2. Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đội ngũ giáo viên có trình độ cao đẳng trở lên; có chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số hoặc có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến bồi dưỡng;

b) Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng được xây dựng theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học đáp ứng yêu cầu chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

d) Có đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

Điều 4. Thông báo việc đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên có nhu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số xây dựng đề án. Đề án bao gồm các nội dung: Sự cần thiết, mục đích, yêu cầu của việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; thuyết minh đầy đủ thông tin, minh chứng đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo Điều 3 của Quy định này; chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, ưu tiên trong tuyển sinh (nếu có); hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá.

2. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục dân tộc) về đề án tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số để kiểm tra, xác minh. Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo việc đủ điều kiện để các đơn vị triển khai thực hiện đề án.

3. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) về đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số để kiểm tra, xác minh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo việc đủ điều kiện để các đơn vị triển khai thực hiện đề án.

Điều 5. Đối tượng tuyển sinh, hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và kiểm tra, đánh giá

1. Đối tượng tuyển sinh:

a) Tuyển sinh vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số: Công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; nói được tiếng dân tộc thiểu số của chương trình đào tạo. Ưu tiên tuyển sinh đối với người

dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm thường trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Tuyển sinh vào học chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, chiến sĩ trong lực lượng công an, quân đội đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tổ chức đào tạo theo hình thức tập trung đối với chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số;

b) Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức tập trung, bán tập trung hoặc từ xa đối với chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

3. Kiểm tra, đánh giá: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ để đánh giá quá trình học tập của học viên; mỗi cụm bài (khoảng 30 - 45 tiết) phải có bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình chi tiết.

4. Thi cuối khóa:

a) Học viên dự thi cuối khóa cần đảm bảo các điều kiện sau: Đạt điểm trung bình chung các bài kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2) từ 5,0 trở lên tính theo thang điểm 10, không có bài kiểm tra nào dưới 2,0 điểm; không nghỉ học quá 20% số tiết so với tổng số tiết của chương trình;

b) Bài thi cuối khóa có lượng kiến thức, kỹ năng theo quy định tại các Chương trình khung tiếng dân tộc thiểu số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thời gian thi cuối khóa đối với chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số là 120 phút, đối với chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số là 90 phút cho 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết;

c) Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số chịu trách nhiệm tổ chức thi cuối khóa cho học viên. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi cuối khóa cho học viên học chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Đánh giá, xếp loại và bảo lưu kết quả học tập

1. Học viên có điểm thi cuối khóa từ 5,0 trở lên thì được đánh giá hoàn thành chương trình.

2. Xếp loại kết quả học tập được ghi trong chứng chỉ cấp cho học viên căn cứ vào điểm trung bình chung toàn khóa đã quy về thang điểm 10 (điểm kiểm tra thường xuyên có hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ có hệ số 2, điểm thi cuối khóa có hệ số 3). Xếp loại cụ thể như sau:

- a) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 8,0 đến 10 điểm, xếp loại: Giỏi;
- b) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 6,5 đến dưới 8,0 điểm, xếp loại: Khá;
- c) Điểm trung bình chung toàn khóa đạt từ 5,0 đến dưới 6,5 điểm, xếp loại: Trung bình.

3. Học viên có điểm thi cuối khóa dưới 5,0 thì được bảo lưu các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ và được phép thi lại 01 lần để đánh giá hoàn thành chương trình.

Điều 7. Quản lý và cấp chứng chỉ

1. Học viên được đánh giá hoàn thành chương trình thì được cấp chứng chỉ.

2. Các loại chứng chỉ:

- a) Chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số được cấp cho các học viên hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số;
- b) Chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp cho học viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

3. Quản lý, cấp chứng chỉ:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số cho các học viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số của trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, cấp chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số và chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số cho các học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng tương ứng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 8. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Lựa chọn các thử tiếng dân tộc thiểu số cần bồi dưỡng ở địa phương; ban hành chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; kiểm tra và thông báo việc đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên để tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng nhu cầu của địa phương.

3. Quản lý việc bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa

bản; quản lý, tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số theo các quy định hiện hành về quản lý văn bằng chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 9. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số

1. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng cơ ngành đào tạo giáo viên xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số; tổ chức thực hiện đề án sau khi có thông báo đủ điều kiện của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thi và cấp chứng chỉ theo các quy định hiện hành về quản lý văn bằng chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện đề án bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số sau khi có thông báo việc đủ điều kiện của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Học viên

1. Nhiệm vụ của học viên: Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số trong quá trình học tập và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2. Quyền của học viên:

a) Được chọn hình thức học, địa điểm học, thời gian học phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

b) Được cung cấp đầy đủ thông tin về khóa đào tạo, bồi dưỡng;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng (nếu có) theo quy định hiện hành.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Thực hiện chế độ báo cáo theo các quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1185 /SGDDĐT-GDCN

Điện Biên, ngày 18 tháng 5 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Thông tư số
09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Trung tâm GDTX tỉnh;
- Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện.

Ngày 18/4/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/6/2023 và thay thế Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số (Có bản sao Thông tư kèm theo).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện thực hiện những nội dung sau:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên trong đơn vị.

2. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số và quy định của pháp luật có liên quan. Trung tâm GDTX tỉnh, các trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đáp ứng đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số theo quy định khoản 2 Điều 4 Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT:

“2. Đối với trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đội ngũ giáo viên có trình độ cao đẳng trở lên; có chứng chỉ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số hoặc có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với chương trình dự kiến bồi dưỡng;

b) Chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng được xây dựng theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học đáp ứng yêu cầu chương trình bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số;

d) Có đề án tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số”.

- Căn cứ điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học, đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số, chương trình chi tiết và tài liệu bồi dưỡng và nhu cầu bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số của người học trên địa bàn, trung

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH DẠY TIẾNG THÁI (450 TIẾT)

Nội Dung		Số Tiết
Phần thứ nhất: HỆ THỐNG CHỮ CÁI, ÂM, VẦN VÀ CHỮ SỐ	เนื้อหา นี้: อักษร สระ, แอว, อักษร, อักษร	175
Chương I: HỆ THỐNG CHỮ CÁI	บทที่ I: อักษร สระ อักษร	60
Bài 1: Phụ âm: O, B Nguyên âm: a, ơ	บทที่ 1: สระ: อ อ, อ อ อักษร: ...1..., ...	5
Bài 2: Phụ âm: C K Q, D Gi Nguyên âm: o, au	บทที่ 2: สระ: อ อ, อ อ อักษร: (....1	5
Bài 3: Phụ âm: Đ, H Nguyên âm: ay ây, u	บทที่ 3: สระ: อ อ, อ อ อักษร: ...1..., ...1...	5
Bài 4: Phụ âm: L, M Nguyên âm: ua	บทที่ 4: สระ: อ อ, อ อ อักษร: ...1...	5
Bài 5: Phụ âm: N, P Nguyên âm: ia	บทที่ 5: สระ: อ อ, อ อ อักษร: อักษร: อักษร: อักษร:	5
Bài 6: Phụ âm: X S, T	บทที่ 6:	5

Nguyên âm: ua, Thanh điệu 1	ក្រ: ខ ណ, ព ឃ ឆ្ម: (... ,	
Bài 7: Phụ âm: Ph, V Nguyên âm: ê, i y	អវ័ ៧: ក្រ: ផ ណ, ព ង ឆ្ម: ឿ...,	5
Bài 8: Phụ âm: Ch, Kh Vần: au, ăn	អវ័ ៨: ក្រ: ផ ក, ណ ង ឆ្ម: វ..., ...ផ	5
Bài 9: Phụ âm: Th, Nh, Ng Ngh Nguyên âm: ô, u	អវ័ ៩: ក្រ: ក ឃ, ញ ញ, ង ង ឆ្ម: ្រ...,	5
Bài 10: Luyện tập	អវ័ 10: ្រ ១	5
Bài 11: Một số ký hiệu đặc biệt , Tập đọc	អវ័ 11: ផ ណ, ្រ ១	5
Bài 12: Luyện tập.	អវ័ 12: ្រ ១.	5
Chương II: CÁCH GHÉP VẦN	ព្រ ២: អវ័ ១០	100
Bài 13: Vần: on, om âm, âng, ơp âp, âc ơt ât	អវ័ 13: ឆ្ម អវ័ ១០: ្រ...ណ, ្រ...ណ, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ណ, ្រ...ង	5
Bài 14: Vần: ep, oen, ec, ên, êm, ênh, êt	អវ័ 14: ឆ្ម អវ័ ១០: ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ណ, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ង	5
Bài 15: Vần: ôn, ôm, ôt, ôi, ôc, ôp	អវ័ 15: ឆ្ម អវ័ ១០: ្រ...ណ, ្រ...ណ, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ង, ្រ...ង	5
Bài 16: Vần: an, am, ang, ai, ac, ap, oa, ao, un, um, ung, ui, uc, ut, up	អវ័ 16: ឆ្ម អវ័ ១០: ...ណ, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង, ...ង	5

Bài 17: Vần: on, om, ong, oi, op, ot, oc, ung, up, um, um, ut, uc	พยางค์ 17: วรรณยุกต์ เว้น:อน,อม,อบ,อป,อป,อน,อน,อ,อ,อ,อ,อ,อ	5
Bài 18: Vần: uôn uân, uôm, uông, uôi, uộc, oan, oam, oac, oat, oai	พยางค์: วรรณยุกต์ เว้น:อน,อน,อบ,อป,อน,อน,อน,อน,อน,อน	5
Bài 19: Vần: uon, uom, uoi, uong, uot, uoc	พยางค์ 19: วรรณยุกต์ เว้น: (...), (...), (...), (...), (...), (...)	5
Bài 20: Luyện tập.	พยางค์ 20: ออป (๑-๑)	5
Bài 21: Vần: en, em, ec, eng anh, ec, et, ek	พยางค์ 21: วรรณยุกต์ เว้น: (...), (...), (...), (...), (...), (...)	5
Bài 22: Tập đọc, vần: au	พยางค์ 22: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น: ๑....	5
Bài 23: Tập đọc, vần: ay	พยางค์ 23: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น: ๑...	5
Bài 24: Tập đọc, nguyên âm: o	พยางค์ 24: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น:	5
Bài 25: Vần: im, in, ing inh, ip, ic, uyt, uy, uyn	พยางค์ 25: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น:อ,อ,อ,อ,อ,อ,อ,อ,อ	5
Bài 26: Luyện tập	พยางค์ 26: ออป (๑-๑)	5
Bài 27: Tập đọc, vần: ăm, ăp	พยางค์ 27: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น:,อ	5
Bài 28: Tập đọc, vần: ăn	พยางค์ 28: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น:อ	5
Bài 29: Tập đọc, vần: iên, iêm, iêng, iêt, iêp.	พยางค์ 29: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น:อ,อ,อ,อ,อ,อ,อ	5
Bài 30: Tập đọc, vần: oa	พยางค์ 30: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น: ...อ...	5
Bài 31: Tập đọc, vần: au âu	พยางค์ 31: ออป ออบ, วรรณยุกต์ เว้น: (...)	5

Bài 32: Tập đọc	ພາສາ 32: ແອປ ຟອບ	5
Chương III: CHỮ SỐ	ໜ້າ III: ໂຕ ຫນ້າ	15
Bài 33 - 34: Chữ số	ພາສາ 33 - 34: ໂຕ ຫນ້າ	5
Bài 35: Ôn tập		5
Bài 36: Kiểm tra kết thúc học phần I		5
Phần thứ hai: CÁC CHỦ ĐỀ	ໜ້າ 2: ຟັ້ ບູ້ ດັ້	239
Chủ đề 1: GIA ĐÌNH, HỌ TỘC, BẢN MƯỜNG	ບູ້ ດັ້ 2: ກຸ່ ຕອນ, ທັ ກວ, ບ້ານ ລອບ	25
Bài 37: Giới thiệu về bản thân	ພາສາ 37: ບຸນ ວາງ ມັ້	5
Bài 38: Các đồ dùng vật dụng trong nhà	ພາສາ 38: ຟັ້ ໜ້າ ທັ ກອບ ຟັ້ ກອບ ກຸ່ ຕອນ	5
Bài 39: Luật lệ, hương ước	ພາສາ 39: ທັ ດູອອບ, ນາວ ຫຸ່ນ	5
Bài 40: Các chức sắc	ພາສາ 40: ຟັ້ ນັ້ ດວ້ນ	5
Bài 41: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 41: ແອປ ເງາ	5
Chủ đề 2: THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	ບູ້ ດັ້ 2: ບູ້ ດຸ່ນ ນັ້ ຫວາ ລອບ	29
Bài 42: Mùa và thời tiết	ພາສາ 42: ມະ ນັ້ ດຸ່ນ	9
Bài 43: Động vật và thực vật	ພາສາ 43: ຂັ້ ຂັ້ ນັ້ ຫຸ່ນ ນັ້ ຄຸ່ນ	5
Bài 44: Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	ພາສາ 44: ດັ້ ນັ້ ບູ້ ດຸ່ນ ຫວາ ລອບ	5
Bài 45: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 45: ແອປ ເງາ	5
Bài 46: Luyện tập	Bài 46: ແອປ ເງາ	5
Chủ đề 3: ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI VIỆT NAM, QUỐC GIA, QUỐC TẾ	ບູ້ ດັ້ 3: ນັ້ ດັ້ ບູ້ ດັ້ ວັດ ຫວາ ກອບ ລອບ ນອກ	14
Bài 47: Đất nước con người Việt Nam	ພາສາ 47: ບ້ານ ລອບ ວັດ ຫວາ	9
Bài 48: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 48: ແອປ ເງາ	5
Chủ đề 4: BẢN MƯỜNG DÂN TỘC	ບ້ານ ລອບ ບູ້ ດັ້ ນັ້ ດວ້ນ ດວ້ນ ນັ້ ຫວາ	15

THÁI ON ĐĂNG, BÁC HỒ		
Bài 49: Dân tộc Thái on Đăng, Bác Hồ	ພາສາ 49: ຜູ້ ຄົນ ເືອນ ດ້າວ ເືອນ ປູ້ ໂທ	5
Bài 50: Phong trào đèn on đáp nghĩa	ພາສາ 50: ຫາ ກໍ່ອົບ ຕອບ ໂທບ ງຸນ	5
Bài 51: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 51: ແອປ ເຂ-1	5
Chủ đề 5: LAO ĐỘNG – SẢN XUẤT	ບູ້ ດັ້ 5: ສັດ ສັ້ນ	25
Bài 52: Ngành nghề truyền thống của người Thái	ພາສາ 52: ຫາ ວັດ ເືອນ ຂ-1 ບ ສັດ ສັ້ນ ກໍ່ອົບ ຜູ້ ຄົນ	5
Bài 53: Chính sách xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng	ພາສາ 53: ຂ-ຮົບ ຫາບ ກໍ່ອົບ ຂໍ ດັ້ ຄົນ ປັ້ນ ກູ້ ຂ-ຮົບ ແຕ່ ຂໍ້ ແທນ ປັ້ນ ບູ້ ບູ້ ບູ້	5
Bài 54: Áp dụng khoa học kỹ thuật giáo dục trong sản xuất và đời sống	ພາສາ 54: ຂ ບູ້ ບູ້ ກວາ ທອນ ທີ່ ກູ້ ກໍ່ ກໍ່ ກວາ ທອນ ປອນ ຂອນ ແຕ່ ທອບ ທີ່ ຂ-ຮົບ ບູ້ ແທນ ສັດ ສັ້ນ	5
Bài 55: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 55: ແອປ ເຂ-1	5
Bài 56: Luyện tập	Bài 56: ແອປ ເຂ-1	5
Chủ đề 6: KHOA HỌC GIÁO DỤC	ບູ້ ດັ້ 6: ກວາ ທອນ ປອນ ຂອນ	20
Bài 57: Truyền thống hiếu học của người Việt, người Thái	ພາສາ 57: ເືອນ ຂ-1 ບ ແອປ ທີ່ ກໍ່ອົບ ຜູ້ ວັດ, ຜູ້ ຄົນ	5
Bài 58: Sự phát triển và thành tựu giáo dục từ sau 1975 đến nay	ພາສາ 58: ຫາ ແທນ ຂ-1 ບ ກໍ່ອົບ ວັດ ປອນ ຂອນ ແຕ່ ປີ 1975 ທອນ ຄົງ	5
Bài 59: Chống mê tín dị đoan, chống tập tục hủ tục lạc hậu	ພາສາ 59: ດີ ນີ້ ພັດ ກໍ່ອົບ ທີ່ ທູ້ ມີ ທາຍ	5
Bài 60: Ôn luyện chủ đề	ພາສາ 60: ແອປ ເຂ-1	5
Chủ đề 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE	ບູ້ ດັ້ 7: ສັດ ອຸ ຫາວ ແທນ	29
Bài 61: Những tập quán có hại và các bệnh thông thường	ພາສາ 61: ພັດ ງອບ ມີ ທາຍ ແທນ ພັດ ສັດ ອຸ ທີ່ ສັດ	5
Bài 62: Y học cổ truyền	ພາສາ 62: ຜົນ ຜົນ ກໍ່ອົບ ຜູ້ ຄົນ	9
Bài 63: Tuyên truyền sinh đẻ có kế	ພາສາ 63: ຫາຍ ກູ້ ວັດ ອອນ ຂ-ນຸ ມີ ນັດ	5

hoạch	ປຶ້ມ	
Bài 64: Trách nhiệm của mỗi người trước tệ nạn ma túy	ພາສ໌ 64: ຫນອຢ໌ ສີ່ ຫັມ ກຸນ ດ້ານ ພົບ ວັດ ມາ ຕວັຍ໌	5
Bài 65: Ôn luyện chủ đề	ພາສ໌ 65: ແອປ໌ (໒-1)	5
Chủ đề 8: BẢO VỆ TỔ QUỐC	ປຶ້ ດ້ວ 8: ດິປ໌ ແລ໌ ບ້ານ ຜູ໌	25
Bài 66: Bản làng thanh bình yên vui	ພາສ໌ 66: ບ້ານ ຜູ໌ ນັ້ນ ອານ ມຸ່ນ ຜູ໌	5
Bài 67: An ninh trật tự	ພາສ໌ 67: ອານ ຫວັ ມັດ ນີ້	5
Bài 68: Bảo vệ biên giới bảo vệ tổ quốc	ພາສ໌ 68: ດິປ໌ ແລ໌ ດັ້ນ ດິປ໌ ແລ໌ ບ້ານ ຜູ໌	5
Bài 69: Ôn luyện chủ đề	ພາສ໌ 69: ແອປ໌ (໒-1)	5
Bài 70: Luyện tập	Bài 70: ແອປ໌ (໒-1)	5
Chủ đề 9: VĂN HÓA PHÁP LUẬT	ປຶ້ ດ້ວ 9: ຫນອຢ໌ ຫວາ ດ້ານ ໒-໕໐	57
Bài 71: Âm nhạc dân tộc	ພາສ໌ 71: ທຸ໌ ອັ້ນ ຜູ໌ ດິນ ດິນ	9
Bài 72: Thể dục thể thao truyền thống	ພາສ໌ 72: ທັ ດິນ ທັ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ	5
Bài 73: Xòe, khắp	ພາສ໌ 73: ດິນ , ແລ໌	9
Bài 74: Lễ hội, tết dân tộc	ພາສ໌ 74: ທັ ອັ້ນ ດິນ ດິນ ດິນ	9
Bài 75: Truyện dân gian	ພາສ໌ 75: ດວາມ ດິນ ໒-໑	5
Bài 76: Bảo tồn và phát triển văn hóa	ພາສ໌ 76: ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ	5
Bài 77: Xây dựng nếp sống mới	ພາສ໌ 77: ດັ ດວາມ ດິນ ດິນ ດິນ	5
Bài 78: Quyền lợi và nghĩa vụ của công dân	ພາສ໌ 78: ດວນ໌ ທັ ດິນ ດິນ ດິນ ດິນ	5
Bài 79: Kiểm tra kết thúc học phần II	ພາສ໌ 79: ແອປ໌ (໒-1)	5
Phần thứ 3: NGOẠI KHÓA, ÔN TẬP, THI KẾT THÚC KHÓA		36
Thực tế		15
Ôn tập – Thi kết thúc khóa		21
Tổng cộng		450 tiết



Giám đốc

Phạm Văn Cường

Người Lập

Phùng Thị Lê

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
TIẾNG DÂN TỘC MÔNG**
(Số tiết: 450 tiết)

A - PHẦN I

STT	Tiêu đề	Trang
Tiết 1 - 30	Phần A: Khái quát đặc điểm dân tộc Mông trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3
	I. Giới thiệu chung	3
	II. Một số đặc điểm về kinh tế, xã hội và văn hoá của dân tộc Mông	4
	III. Đôi nét về ngôn ngữ và văn tự của dân tộc Mông	5
	IV. Ngữ âm	7
	V. Từ vựng	11
Tiết 31 - 35	Phần B: Ngữ âm tiếng Mông (Hmôngz)	
	I. Sự giống nhau và khác nhau về ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Mông	
	II. Phụ âm đầu và vần giống tiếng Việt	16
	III. Những phụ âm đầu giống nhau về âm nhưng khác cách biểu thị và ngược lại	
Tiết 36 - 43	1. Phụ âm có tiền âm mũi: Hm, Hn, Nt	17
	2. Đếm bằng tiếng Mông từ ngày mông một đến ngày hai mươi	
	3. Từ ngữ	
	4. Câu hỏi đáp	
Tiết 44 - 47	Ôn tập từ tiết 1 đến tiết 51	19
Tiết 48 - 54	1. Năm vững 5 phụ âm đầu có tiền âm mũi mà văn tự không dùng ký hiệu biểu thị...	20
	2. Đếm bằng tiếng Mông từ 1 đến 100	
	3. Luyện tập câu	
Tiết 55 - 58	1. Thành ngữ tiếng Mông	21
	2. Từ ngữ	
	3. Câu hỏi đáp	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 59 - 63	Ôn tập từ tiết 1 đến tiết 58	23
Tiết 64 - 68	1. Học thuộc những thành ngữ dưới đây	23

	2. Từ ngữ	
	3. Câu vấn đáp	
	4. Lưu ý học thuộc những từ ngữ dưới đây	
Tiết 69 - 72	Ôn tập (Lưu ý những từ hay quên)	26
Tiết 73 - 76	1. Thành ngữ tiếng Mông	26
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 77 - 81	Đếm bằng tiếng Mông từ 101 đến 10.000	27
Tiết 82 - 85	Ôn tập từ tiết 1 đến tiết 84	28
Tiết 86 - 89	1. Thành ngữ của người Mông	28
	2. Từ ngữ	
	3. Câu hỏi đáp	
	4. Mẫu câu	
Tiết 90 - 93	1. Thành ngữ của người Mông	30
	2. Từ ngữ	
	3. Câu hỏi đáp	
	4. Mẫu câu	
Tiết 94 - 97	1. Làm theo lời Bác dạy	31
	2. Từ ngữ	
	3. Câu hỏi đáp	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 98 - 102	Ôn tập năm phụ âm đầu lưỡi chân răng	33
Tiết 103 - 107	Ôn tập từ tiết 92 đến tiết 107	
Tiết 108 - 111	1. Những từ nghi vấn	35
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	

Tiết 112 - 116	1. Câu đố của tiếng Mông	36
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 117 - 121	1. Thành ngữ tiếng Mông	37
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 122 - 125	1. Mơ ước của người Mông	39
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 126 - 130	Ôn tập từ tiết 112 đến tiết 137	40
Tiết 131 - 134	1. Công việc của người Mông	40
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 135 - 139	1. Thành ngữ tiếng Mông	41
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 140 - 144	1. Công việc của người Mông	42
	2. Từ ngữ	
	3. Mẫu câu	
	4. Dùng từ đặt câu	
Tiết 145 - 148	Ôn tập toàn bộ chương trình phần I	43
Tiết 149 - 150	Kiểm tra hết phần I	43

B – PHẦN II

STT	Tiêu đề	Trang
Tsinhv njaz I Tiết 151 - 175	CHUÔZ THÊNHX - XÊNHV CXUX	
	1. Paor li chuôz thênhx	44
	2. Pus nzir xouk khâu z đuođ	45
	3. Yêz câur (tangz.yêz)	46
	4. Paor zourv	48
	5. Păngz măngx nav, txir	49
	6. Cheix uô lax	50
	7. Cheix uô têz	52
Tsinhv njaz II Tiết 176 - 200	HMÔNGZ LI JÊX JAOL, CUV SHANGZ	
	1. Hmôngz nhaoz tênhv Caoz Băngx	53
	2. Hmôngz nhaoz tênhv Yên Bair	55
	3. Hmôngz nhaoz tênhv Sênh La	56
	4. Hmôngz nhaoz Tênhv Đênhv Bênh	58
	5. Hmôngz nhaoz tênhv Laiv Tsouz	60
	6. Hmôngz nhaoz Tênhv Hax Zang	62
7. Hmôngz nhaoz Tênhv Laol Caz	64	
Tsinhv njaz III Tiết 201 - 225	VÊNHX HUÔV HMÔNGZ	
	1. Cxuô zangv Hmôngz li tsangz jangv	65
	2. Lix xuv yoangx thôngv vênhx huôv Hmôngz	67
	3. Plaoz tsiv cxiv tsăng chuôz thênhx vênhx huôv	69
	4. Plaoz tsiv cxiv tsang jêx jaol vênhx huôv	72
	5. Găux uô njuôđ	74
	6. Naox lôngx	75
7. Đha kênhx	77	
Tsinhv njaz IV Tiết 226 - 250	NTUX TXOUV HAZ TÊNHX YANGR	
	1. Tangz tuôz luz kei têz	79
	2. Cheix ntux tsăux	81
	3. Ntông njuôz mix yangx	83
	4. Nav đêx xông Hôngx	84
5. Nav pangl Ba Bêv	86	

	6. laov jêv hâu ntux yaz	88
	7. Txôngr ziv	89
Tsinhv njaz V Tiết 251 - 275	XÊNHX YANGR THAZ CHUÔZ SÂU NDÊ (NJU)	
	1. Yuôx zêx Tuôv chuôx	91
	2. Sâu paoz curk	93
	3. Puôx cxuôv yeiz	94
	4. Paoz curk nôngz yaz	95
	5. Trôngz paoz Pụ Nhuz xinhz touv bluô nux	97
	6. Txir khourz Bar Hax	98
	7. Na Lâu Cuz Phangz chaos tsourz	99
Tsinhv njaz VI Tiết 276 - 300	PÊZ HMÔNGZ UÔ ĐANGV THAZ ZOUV CÔNGZ HÔX LI TSÂUS	
	1. "Ma Phiêx" nziz zourv Côngz Hôx	101
	2. Lênhx Hmôngz đrus Đangv li cêr chei	102
	3. Thourx jas tâu njiz zourv Côngz Hôx	103
	4. Txôngr luz saz đrus Đangv	105
	5. Zourv Côngz Hôx li txax njis	106
	6. Hmôngz uô zourv Côngz Hôx li bôv đôiv	108
	7. Anh hôngx Shôngx Pheiz Shinhz	109
Tsinhv njaz VII Tiết 301 - 325	KHUZ SHUX - ZAOZ ZUX	
	1. Krêz thênhv courv cxăng txăuk vênhx huôv	110
	2. Tsangz Thiv Vangz grêl trôngz courv ntour	112
	3. Nđông tuôx li Pangv Fôz	114
	4. "Nôiv tsur" pêx xênhv - txux cêr zaoz zux pôngr cxix	115
	5. Chês zaoz zux nhaoz Tuôv Chuôx	117
	6. Thênhv courv đrôngl tuz	119
	7. Jăngx tis chêr	120
Tsinhv njaz VIII Tiết 326 - 350	TSAOZ PHU'Z ĐANGL JUS	
	1. Maoz uô nao	121
	2. Vêx xênhz jê jaol	123
	3. Ntăuk tsênhz phangx ăo huz jurx Pênh	125
	4. Chourv đêr tuv kraòr cxăngz	126
	5. Chourv tsuv trăus laov	127

	6. Zangx zênhz zaos cxuô sênhx lê châuz	129
	7. Chaos yuôx njuôz	130
Tsinhv njaz IX Tiết 351 - 375	MÊNHX CXUX VIÊX NANG THAZ CXUÔ LUZ CÔX BUÔK JÊ	
	1. Viêx Nang tsur côx	132
	2. Viêx Nang ntâu mênhx cxux li côx chuôz	133
	3. Viêx Nang - Tsôngz Côx	135
	4. Liz ntêv thoux tênhr Viêx Nang - Laok Tsuôk	137
	5. Viêx Nang - Cam Pu Chia	139
	6. Mênhx cxux Hmôngz	141
	7. Mênhx cxux Ba Na	143
Tsinhv njaz X Tiết 376 - 400	PAOR VÊV TSUR CÔX	
	1. Lê Hôngx Phong	145
	2. Lix siv Vux A Zênhz	146
	3. Đêiv tar côngz ngangz Zăngx Sheo Zênhz	148
	4. Anh hôngx Kim Đôngx	149
	5. Liêx sir nav cuk yuôx Đặng Thuỳ Trâm	151
	6. Anh hôngx Nguyễn Văn Trỗi	153
	7. Anh hôngx Vờ Thiv Sâu	155
Tsinhv njaz XI Tiết 401- 425	TSÊNHV CXOUX PHUÔX LIX	
	1. Pux zous si đầux	157
	2. Lul chaoz chêv ndầux	158
	3. Nênhx tsuv caov chêi muôx têx vangx phuôv thaz nghiêv vuv	159
	4. Tsangz yênhx zaoz zux njuôz maol	162
	5. Cêr chêi thaov cxaov cangr bôv	163
	6. Nênhx phangv phuôx lix zuôv tsuv yur lir txaov phuôx lix	164
	7. Iz cxa Hmôngz mangk châuz tsur ziv	165
Tiết 426 - 440	Đi thực tế	167
Tiết 441 - 444	Ôn tập toàn bộ chương trình phần I	167
Tiết 445 - 448	Ôn tập toàn khóa	167
Tiết 449 - 450	Kiểm tra hết phần II	167



Giám đốc

Phạm Văn Cường

Người Lập

Phùng Thị Lê

Số: 306/HĐ -GDTX

Điện Biên, ngày 6 tháng 7 năm 2023

HỢP ĐỒNG GIẢNG DẠY
Tiếng dân tộc thiểu số

Căn cứ bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005;
Căn cứ Quyết định 465/QĐ-UBND-TC, ngày 22/07/1996 của Ủy ban nhân
tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) về việc thành lập trung tâm giáo dục thường
xuyên trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường
xuyên (Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04
năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, liên kết đào tạo năm 2023 của trung
tâm GDTX tỉnh Điện Biên.

Hôm nay, ngày tháng 7 năm 2023, tại trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên,
chúng tôi gồm:

I. BÊN A: Trung tâm GDTX tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh
Điện Biên

Điện thoại: 0215 3735584

Đại diện: Ông Phạm Văn Cường - Chức vụ: Giám đốc

Số tài khoản: 36010000167563 tại Ngân hàng đầu tư tỉnh Điện Biên

Mã số thuế: 5600189081

II. BÊN B:

Ông/ Bà: Lâu Thị Dừa, Giàng A Chinh, Sùng A Cá, Lò Thị Thùy Dương

(Có danh sách trích ngang đính kèm)

Trình độ đào tạo: Đại học sư phạm

Chức vụ: Chỉ đạo đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những
điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung và thời gian thực hiện hợp đồng:

Bên A hợp đồng thuê bên B thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1.1. Giảng dạy các lớp đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc theo đúng
Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 3/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban
hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân
tộc thiểu số.

Thời gian mở lớp: Theo kế hoạch hàng năm, được Sở Giáo dục và Đào tạo
phê duyệt.



Thời gian giảng dạy 03 (ba) tháng.

Chương trình: thực hiện theo Công văn số 2641/SGDĐT-GDTP&CN ngày 09/12/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học, kiểm tra, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc Mông, Thái cho cán bộ, công chức;

Phương thức học: Linh hoạt theo lịch của trung tâm và nhu cầu của người học, phù hợp với thực tế.

Địa điểm mở lớp: Theo quyết định phê duyệt của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Hợp đồng được thực hiện từ ngày trung tâm khai giảng đến khi bế giảng lớp.

1.2. Tham gia các hội đồng: Ra đề thi, Hội đồng coi thi, chấm thi hết chương trình do trung tâm thành lập.

Chế độ khi tham gia các hội đồng trên bên B được hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Hợp đồng với khối lượng công việc và kinh phí cụ thể như sau:

- Tổng số tiết phải thực hiện: Đảm bảo theo phân phối chương trình
- Tổng số tiết được thanh toán: 450 tiết
- Đơn giá: Theo từng lớp, theo từng chương trình đào tạo
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản/Tiền mặt
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên:

*** Bên A**

- Lập kế hoạch giảng dạy và lịch giảng dạy thông báo cho bên B trước khi thực hiện giảng dạy tại mỗi lớp.

- Bố trí và đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cho lớp học. Kiểm tra thường xuyên việc dạy và học của giáo viên và học viên

- Phối hợp với bên B cùng giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến quá trình dạy và học.

- Thanh toán tiền giảng dạy cho bên B sau khi hợp đồng đã được thực hiện đầy đủ.

- Nếu muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo trước 01 tháng.

*** Bên B:**

- Thực hiện quá trình giảng dạy đảm bảo chương trình kế hoạch giảng dạy theo nội dung giáo trình đã được phê duyệt. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Sổ sách, hồ sơ liên quan của lớp học và bài kiểm tra gửi về bộ phận chuyên môn lưu giữ tại Trung tâm.



- Theo dõi, chăm công, kiểm tra đánh giá học viên chính xác theo quy định. Báo cáo tình hình học tập và những vấn đề có liên quan đến việc dạy và học của lớp khi Ban Giám đốc trung tâm yêu cầu.

- Khi có việc bận hoặc không thể tham gia giảng dạy ngày học đó phải thông báo tới trung tâm trước 03 ngày.

- Nếu muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo trước 01 tháng.

Điều 5: Điều khoản chung:

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản của hợp đồng đã ký kết, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện, hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết. Nếu một bên đơn phương thay đổi hoặc chấm dứt hợp đồng, bên đó phải chịu bồi thường hoàn toàn thiệt hại phần đã vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản)

ĐẠI DIỆN BÊN A




Phạm Văn Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



Lâu Thị Dừa



Giàng A Chinh



Sùng Thị Cá



Lò Thị Thùy Dương

**DANH SÁCH GIÁO VIÊN THỈNH GIẢNG
DẠY TIẾNG DÂN TỘC**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Lâu Thị Dừa	30/11/1988	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
2	Giàng A Chinh	12/11/1987	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
3	Sùng A Cá	07/5/1987	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Mông
4	Lò Thị Thủy Dương	10/11/1975	Đại học	Dạy tiếng dân tộc Thái

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Cường

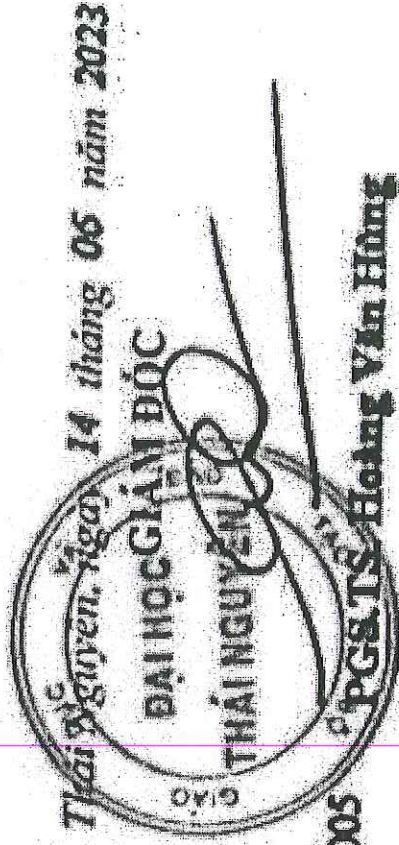
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Cấp cho: **Ngài Thị Châu**
Sinh ngày: **20/10/1987** Tại: **Huyện Si Mư Cai - Tỉnh Lào Cai**
Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc: **Mông**
Từ ngày **05** tháng **09** năm **2022** đến ngày **15** tháng **04** năm **2023**
Hội đồng thi: **Phan Biệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai**
Xếp loại: **Giỏi**

Số hiệu: **DT/GVTDT/00025**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **DTP/CCGVDTM/2023/0005**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card 

Số / No.: **010187000467**

Họ và tên / Full name:

NGÀI THỊ CHẤU

Ngày sinh / Date of birth: **20/10/1987**

Giới tính / Sex: **NỮ**

Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin:

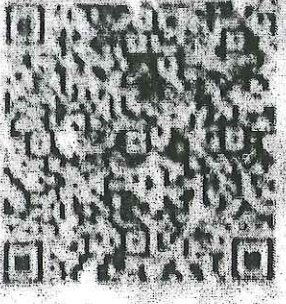
Thị trấn Si Ma Cai, Si Ma Cai, Lào Cai

Nơi thường trú / Place of residence: **Bản Nà Hỳ 2**

Nà Hỳ, Nậm Pồ, Điện Biên

Có giá trị đến: **20/10/2027**

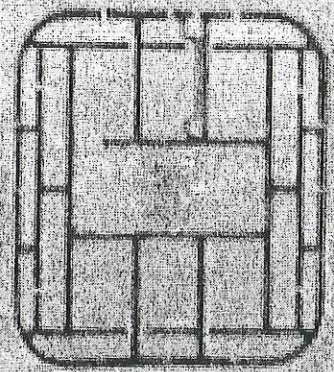
Date of expiry



Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Nốt ruồi C:2 cn trên sau mép trái

Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 29/03/2021

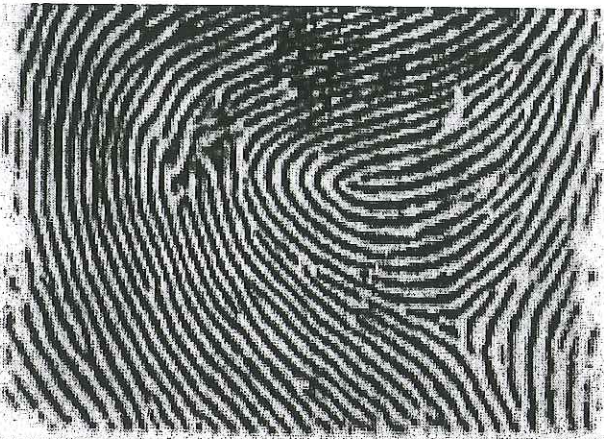
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADDRESS THAT HE MANAGE MOST OF SOCIAL ORDER



Phạm Công Nguyễn



Ngón trỏ trái
Right hand finger



Ngón trỏ phải
Right hand finger

IDVNM1870004671010187000467<<<4
8710204F2710202VNM<<<<<<<<<6

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF

HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

EARLY CHILDHOOD EDUCATION

Upon: *Bà* NGAI THI CHAU

Date of birth: 20/10/1987

Year of graduation: 2018

Degree classification: AVERAGE GOOD

Mode of study: PART - TIME

Reg. No: 05/QĐ8011_18DRK3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

GIÁO DỤC MẦM NON

Cho: *Bà* NGAI THI CHAU

Ngày sinh: 20/10/1987

Năm tốt nghiệp: 2018

Xếp loại tốt nghiệp: TRUNG BÌNH KHÁ

Hình thức đào tạo: VỮA LÀM VỮA HỌC

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018



Số hiệu: 1597011

Số vào sổ cấp bằng: 05/QĐ8011_18DRK3

GS.TS NGUYỄN VĂN MINH



GONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHI

ĐẠO TẠO VIÊN DẠY TIẾNG DAN TỘC THIẾU SỐ
TIẾNG MÔNG

Cấp cho: **Giảng A Ty**

Sinh ngày: **03.01.1988** Nơi sinh: **Lai Châu**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc: **Mông**

Từ ngày: **01 tháng 11 năm 2012** đến ngày: **10 tháng 06 năm 2013**

Hội đồng thi: **Chương Cao đẳng Sư phạm Điện Biên**

Xếp loại: **Khả** Điện Biên, Ngày: **10 tháng 06 năm 2013**

Số hiệu: **000276**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **T.M.2013.36**



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG ƯƠNG
CAO ĐẲNG
SƯ PHẠM
NGUYỄN SONG BÌNH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR
OF TAY BAC UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Geography Teaching

Upon: **Mr Giang A Ty**

Date of birth: **03 January 1988**

Year of graduation: **2017**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Part-time**

Soria, 17 January 2017

Reg. No: 339/40

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Sư phạm Địa lí

Cho: **Ông Giang A Ty**

Ngày sinh: **03/01/1988**

Năm tốt nghiệp: **2017**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Vừa làm vừa học**

Sơn La, ngày 17 tháng 01 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **1326270**

Số vào sổ cấp bằng: **339/40**

TS. Nguyễn Văn Bao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHI
 BAO TẠO VIỆN DẠY TIẾNG DAN TỘC THỂ UỐ SỞ
 TỈNH MÔNG

Cấp chi: **VRADH**
 Sinh ngày: **25.02.1984** / Nơi sinh: **Lai Châu**
 Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc / Mong
 Từ ngày: **07 tháng 02 năm 2012** / đến ngày: **07 tháng 09 năm 2012**
 Hội đồng thi: **Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên**
 Kết quả: **Xuất sắc** / Điện tiến: **Ngày 12 tháng 09 năm 2012**
 Số hiệu: **000098** / Mã vào sổ cấp chứng chỉ: **TM.2012.05**

Nguyễn Song Bình
 HIỆN TRƯỞNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG CỬ NHÂN

NGÀNH Giáo dục và Đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

cấp

Choi VAN DI

Ngày sinh 25/02/1984

Loại đào tạo Khoa

Sau đó, ngày 25 tháng 8 năm 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC



Số bài 002777

Số văn số 825/59/2023-DHĐP-VL.VH

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE DECREE OF BACHELOR

IN Physical Education

TAYBAC UNIVERSITY

collets

VAN DI

Date of birth 25 February 1984

Degree classification Good

Given under the seal of Tay Bac University

Số bài 002777

Reference number 825/59/2023-DHĐP-VL.VH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

ĐÀO TẠO GIAO VIÊN DẠY TIẾNG BÀN TỘC THIỂU SỐ

TIẾNG THÁI

Cấp cho:

Lò Thị Thủy Dương

Sinh ngày:

10/11/1975

Nơi sinh:

Lai Châu

Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc:

Thái

Hết ngày:

02 tháng 02 năm 2012

đến ngày:

07 tháng 09 năm 2012

Hội đồng thi:

Trường Đào Tạo Sư phạm Điện Biên

Xếp loại:

Xuất sắc

Điện Biên

Ngày **12** tháng **09** năm **2012**

Hiệu trưởng

Số hiệu: **000055**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **TT.2012-13**



Nguyễn Song Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

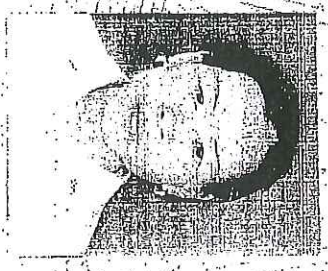
Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Đại học Quốc gia Hà Nội

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

Loại hình đào tạo: **TẠI CHỨC**
ngành: **SP GIÁO DỤC TIỂU HỌC**
hạng: **KHÁ** năm tốt nghiệp: **2007**
và công nhận danh hiệu:

Đỗ Xuân Minh Nam



Số hiệu bằng

Số vào sổ

A0085586

09/GD2538

Chữ ký của người được cấp bằng

Họ tên: **ĐỖ XUÂN MINH NAM**
sinh ngày **10-11-1975** tại **ĐIÊN BIÊN**
Số đăng ký **ĐIÊN BIÊN** ngày **26 tháng 11 năm 2007**
Hiệu trưởng: *Nguyễn Văn Tuấn*
Khoa trưởng: *Nguyễn Văn Tuấn*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
SỐ 040213076

Họ tên: **LÒ THỊ THUY DƯƠNG**

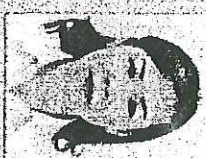
Sinh ngày: 10-11-1975




Nguyên quán: Thanh Lương

Điện Biên, Điện Biên

Nơi ĐKKK thường trú: Thanh Lương

Điện Biên, Điện Biên



Danh tộc: Thái	Tên giao: Không
	DẤU VẾT RIÊNG VÀ DỊ HÌNH
	Nốt ruồi, cách 1 cm dưới sau dưới mắt trái.
NGON TRỎ PHẢI	Ngày: 04 tháng 07 năm 2019
	GIÁM ĐỐC ĐÀ T. Điện Biên
	 Lò Thị Thủy Dương

REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF NATIONAL DEFENSE
GENERAL STAFF
HANOI

REPUBLIC OF VIETNAM
MINISTRY OF NATIONAL DEFENSE
GENERAL STAFF
HANOI

CHIEF: NGUYEN THI HA
DEPUTY: NGUYEN THI HA
MEMBER: NGUYEN THI HA

CHIEF: NGUYEN THI HA
DEPUTY: NGUYEN THI HA
MEMBER: NGUYEN THI HA



120
120
120

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CHỨNG CHỈ

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG ANH QUỐC TẾ SỐ TIẾNG THẬT

Họ tên: **Lương Thị Hà**
 Sinh ngày: **24/11/1988** Nơi sinh: **Là Cầu**
 Đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên dạy tiếng Anh quốc tế tại **THAI**
 từ ngày **07 tháng 02 năm 2012** đến ngày **07 tháng 09 năm 2012**
 Hội đồng thi: **Hội đồng Cao đẳng Sư phạm Đà Nẵng**
 Cấp loại: **Xuất sắc** Điểm thi: **12 tháng 09 năm 2012**

Số chứng chỉ: **000057**
 Cấp cho: **Đào tạo giáo viên dạy tiếng Anh quốc tế**

Hội đồng
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
ĐÀ NẴNG
 Ông **Nguyễn Song Bình**

02
03